

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2021.

Vụ Chính sách thuế thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ĐM*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (P<sub>XNK</sub>) *(10b) pm*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Kèm theo Quyết định số 2473/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN I: Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Tên văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Đã được công bố tại Quyết định của Bộ Tài chính
1	1.007240	Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô	Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ	Hải quan	Cục Hải quan; Chi cục Hải quan	STT 1 (điểm a khoản 2 Phần 1) Quyết định số 863/QĐ-BTC ngày 18/6/2020
2	3.000045	Thủ tục áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49	Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ	Hải quan	Cục Hải quan; Chi cục Hải quan	STT 2 (điểm a khoản 2 Phần 1) Quyết định số 863/QĐ-BTC ngày 18/6/2020

## PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

### 1. Thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế để sản xuất, lắp ráp xe ô tô

#### 1.1 Trình tự thực hiện

Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống dữ liệu điện tử hoặc gửi qua đường bưu điện cho cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc nơi có nhà máy sản xuất, lắp ráp để đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế ngay sau ngày Nghị định này được ký ban hành hoặc thời điểm bất kỳ hàng năm trong thời gian của Chương trình ưu đãi thuế.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Gửi thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với phương thức điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc nơi có nhà máy sản xuất, lắp ráp.

#### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Công văn đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế linh kiện ô tô theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 101/2021/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp xe ô tô: 01 bản sao có chứng thực;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### 1.4. Thời hạn giải quyết: Không.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp xe ô tô do Bộ Công Thương cấp.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cục Hải quan hoặc Chi cục hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế của doanh nghiệp.

#### 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không.

#### 1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 101/2021/NĐ-CP.

#### 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

#### 1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

- Nghị định số 57/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP;

- *Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**                      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

V/v đăng ký tham gia Chương  
trình ưu đãi thuế linh kiện ô tô

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Cơ quan hải quan ..... (1)

Tên tổ chức/cá nhân: ..... (2)

Mã số thuế: .....

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: ... / ... / .....

Nơi cấp: ..... Quốc tịch: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....; số fax: .....

Tên Nhà máy sản xuất, lắp ráp (SCLR) ô tô ....., công suất sản  
xuất, lắp ráp ô tô của nhà máy.....

Địa điểm thực hiện Nhà máy: .....

Nay, (2) ..... đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế linh  
kiện ô tô từ .../.../... đến .../.../... để SCLR xe ô tô gồm:

- Chúng loại xe:

Xe ô tô chạy điện, xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu, xe ô tô hybrid, xe ô tô  
sử dụng nhiên liệu sinh học hoàn toàn, xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên (3)

Xe ô tô sử dụng nhiên liệu xăng, dầu

- Mẫu xe đăng ký sản xuất lắp ráp (nêu rõ tiêu chí động cơ; tiêu chí thân vỏ  
xe/khung vỏ xe (áp dụng cho nhóm xe chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống), tiêu  
chí khung ô tô (áp dụng cho nhóm xe minibuyt và xe buyt), tiêu chí cabin (áp  
dụng cho nhóm xe tải)):

+ Số lượng mẫu:.....;

+ Tên mẫu xe:..... thuộc nhóm xe 87.02/ 87.03/ 87.04/ 87.05.

- Nội dung cam kết thực hiện:

+ Cam kết đạt đủ các tiêu chí sản lượng chung tối thiểu, sản lượng riêng  
tối thiểu của xe sử dụng nhiên liệu xăng, dầu; sản lượng của xe ô tô chạy điện;  
xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu; xe ô tô hybrid; xe ô tô sử dụng nhiên liệu sinh  
học hoàn toàn; xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên theo quy định tại điểm b.12  
khoản 3.2 Mục 1 Chương 98 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

+ Cam kết sản xuất, lắp ráp các loại xe đúng mẫu xe đăng ký, đáp ứng các điều kiện về khí thải, về mẫu xe theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3.3 Điều 7a và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Thời gian dự kiến nhập khẩu linh kiện từ ..... đến .....

Các giấy tờ kèm theo công văn này gồm:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp xe ô tô (01 bản sao có chứng thực);

Tổ chức/cá nhân cam kết thực hiện đúng quy định hiện hành về xuất nhập khẩu hàng hóa và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các cam kết này.

Tổ chức/cá nhân kính đề nghị Cơ quan hải quan (1) ..... tiếp nhận việc đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế nhập khẩu linh kiện ô tô./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  
(Hoặc người được ủy quyền)  
(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1): Ghi tên cơ quan hải quan nơi tiếp nhận công văn đăng ký tham gia Chương trình.
- (2): Ghi tên tổ chức/cá nhân đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế.
- (3): Trường hợp tích vào ô này thì không phải đăng ký thông tin về mẫu xe.

## **2. Thủ tục áp dụng mức thuế suất ưu đãi 0% của nhóm 98.49**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị áp dụng mức thuế suất ưu đãi 0% cho cơ quan hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế trong vòng 60 ngày kể từ ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12. Trường hợp nộp hồ sơ quá thời hạn 60 ngày, cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ.

- Trường hợp doanh nghiệp có kỳ xét ưu đãi đầu tiên chưa đủ 06 tháng, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị áp dụng mức thuế suất ưu đãi 0% cùng thời điểm nộp hồ sơ đề nghị áp dụng thuế suất 0% của kỳ xét ưu đãi tiếp theo.

- Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế và doanh nghiệp có số tiền thuế đã nộp đối với số linh kiện ô tô đã nhập khẩu lớn hơn số tiền thuế phải nộp theo mức thuế suất của nhóm 98.49, cơ quan hải quan ra Quyết định hoàn trả và lập Lệnh hoàn trả số thuế nộp thừa cho doanh nghiệp theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước của cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước thực hiện hoàn trả thuế nhập khẩu nộp thừa cho doanh nghiệp. Nguồn hoàn trả thuế nộp thừa được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện để được áp dụng Chương trình ưu đãi thuế cơ quan hải quan có văn bản trả lời cho doanh nghiệp được biết.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Gửi thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với phương thức điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc nơi có nhà máy sản xuất, lắp ráp.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Công văn đề nghị áp dụng mức thuế suất ưu đãi 0% của nhóm 98.49 theo Mẫu số 06a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 101/2021/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Báo cáo tình hình sử dụng linh kiện ô tô nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp xe xuất xưởng trong kỳ xét ưu đãi theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bảng kê các tờ khai hải quan, số tiền thuế nhập khẩu đã nộp theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Chứng từ kế toán thể hiện số lượng linh kiện nhập khẩu đã được sử dụng để sản xuất, lắp ráp các nhóm xe trong kỳ xét ưu đãi: 01 bản chụp;

- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp theo mẫu phiếu do Cục Đăng kiểm Việt Nam phát hành: bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp (số lượng bản sao tương ứng với số lượng xe đã sản xuất, lắp ráp trong kỳ xét ưu



đãi);

- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp: bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu (số lượng bản sao tương ứng với số lượng kiểu loại xe sản xuất, lắp ráp);

- Bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật của xe ô tô có dấu xác nhận thẩm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam: bản sao có chứng thực hoặc bản chụp xuất trình bản chính để đối chiếu (số lượng bản sao tương ứng với kiểu loại xe sản xuất, lắp ráp).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **2.4 Thời hạn giải quyết:**

Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế và doanh nghiệp có số tiền thuế đã nộp đối với số linh kiện ô tô đã nhập khẩu lớn hơn số tiền thuế phải nộp theo mức thuế suất của nhóm 98.49, cơ quan hải quan ra Quyết định hoàn trả và lập Lệnh hoàn trả số thuế nộp thừa cho doanh nghiệp theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước của cơ quan hải quan, Kho bạc Nhà nước thực hiện hoàn trả thuế nhập khẩu nộp thừa cho doanh nghiệp. Nguồn hoàn trả thuế nộp thừa được lấy từ số thu của ngân sách trung ương về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện để được áp dụng Chương trình ưu đãi thuế cơ quan hải quan có văn bản trả lời cho doanh nghiệp được biết.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Doanh nghiệp có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp xe ô tô do Bộ Công Thương cấp.

**2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp đề nghị áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xử lý tiền thuế nộp thừa cho doanh nghiệp hoặc văn bản trả lời của cơ quan Hải quan.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 06, 07 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP và *Mẫu số 06a Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 101/2021/NĐ-CP.*

#### **2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ đề nghị áp dụng thuế suất 0% của doanh nghiệp thực hiện kiểm tra đối tượng và các điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7a. Trong đó:

- Sản lượng xe căn cứ vào số lượng Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp đã phát hành trong kỳ xét ưu đãi.

- Mẫu xe đăng ký căn cứ vào Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp.

- Số lượng linh kiện ô tô nhập khẩu đã sử dụng (không bao gồm linh kiện đưa vào sử dụng nhưng bị hỏng, bị lỗi) phải phù hợp với số lượng xe thực tế đã sản xuất, lắp ráp có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng trong kỳ xét ưu đãi và căn cứ vào Báo cáo tình hình sử dụng linh kiện ô tô được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu, Bảng kê các tờ khai hải quan, số tiền thuế nhập khẩu đã nộp theo từng tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu.

### **2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

- Nghị định số 57/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP;

*- Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.*

**TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....

V/v áp dụng thuế suất ưu đãi 0%  
của nhóm 98.49

Hà Nội, ngày... tháng ... năm ...

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức: (2).....

Mã số thuế: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....; số Fax: .....

Tên Nhà máy sản xuất, lắp ráp (SCLR) ô tô ....., công suất sản  
xuất, lắp ráp ô tô của nhà máy.....Nay, (2)..... đề nghị được áp dụng thuế suất ưu đãi 0% đối với các  
mặt hàng linh kiện, ô tô thuộc nhóm 98.49 để SCLR xe ô tô theo Chương trình ưu đãi  
thuế linh kiện ô tô trong kỳ xét ưu đãi từ ..... đến .../.../..., cụ thể như sau:- Mẫu xe, nhóm xe sản xuất, lắp ráp ..... đã đăng ký theo Công  
văn số ..... ngày ..... gửi (1) .....

- Sản lượng mẫu xe thực tế đã sản xuất, lắp ráp trong kỳ xét ưu đãi: (4).....;

- Sản lượng xe thực tế đã sản xuất, lắp ráp trong kỳ xét ưu đãi: (4).....;

- Thuộc trường hợp không phải xét sản lượng xe (tích vào ô dưới đây) đối với  
nhóm xe/mẫu xe ..... đã đăng ký tham gia chương trình ưu đãi thuế theo  
quy định tại khoản 3.2 và khoản 3.3 Điều 7a.Sản lượng chung tối thiểu Sản lượng riêng tối thiểu Sản lượng tối thiểu (đối với trường hợp quy định tại khoản 3.2 Điều 7a) 

Các giấy tờ kèm theo công văn này gồm:

(3).....

(2)..... đề nghị Chi cục hải quan (1)..... kiểm tra để thực hiện  
áp dụng thuế suất 0% cho Doanh nghiệp./.**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

(Hoặc người được ủy quyền)

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1): Tên cơ quan hải quan nơi tiếp nhận công văn đăng ký tham gia Chương trình.

(2): Tên tổ chức đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi.

(3): Các giấy tờ kèm theo công văn thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 7a.

(4): Trường hợp doanh nghiệp không đạt điều kiện sản lượng cho kỳ xét ưu đãi thuế 06 tháng  
cuối năm nhưng tổng sản lượng của cả năm vẫn đáp ứng điều kiện sản lượng của kỳ xét ưu đãi 12  
tháng theo quy định của Chương trình ưu đãi thuế thì phải kê khai sản lượng mẫu xe/xuất xưởng  
thực tế của 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm và sản lượng của cả năm.

Tên tổ chức, cá nhân:.....  
 Địa chỉ: .....  
 Mã số thuế:.....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LĨNH KIỆN Ô TÔ NHẬP KHẨU ĐỂ SẢN XUẤT, LẮP RÁP XE  
 XUẤT XƯỞNG TRONG KỲ XÉT UÙ ĐÁI**

Kỳ báo cáo: Từ ngày ..... đến ngày .....

STT	Tên linh kiện		Mã số (HS)	Đơn vị tính	Lượng linh kiện nhập khẩu tồn kho đầu kỳ	Lượng linh kiện nhập khẩu trong kỳ	Lượng linh kiện nhập khẩu xuất kho trong kỳ		Lượng linh kiện nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
	Mã	Tên					Sản xuất sản phẩm	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)+(7)-(8)-(9)	(11)

**(10) NGƯỜI LẬP**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**(11) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
 CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

- Cột (2): “Mã” là mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý.  
 Cột (6): Là lượng linh kiện cuối kỳ trước được chuyển sang kỳ báo cáo hiện tại (không kê khai các linh kiện tồn đầu kỳ được sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phát hành trước ngày 01/01/2020);  
 Cột (7): Là lượng linh kiện nhập khẩu trong kỳ báo cáo  
 Cột (8): Là lượng linh kiện thực tế đưa vào để sản xuất sản phẩm  
 Cột (9): Là lượng linh kiện xuất kho, không đưa vào sản xuất sản phẩm.  
 Cột (10): Là lượng linh kiện thực tế tồn tại kho cuối kỳ báo cáo

Tên tổ chức, cá nhân: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Mã số thuế: .....

### BẢNG KÊ TỜ KHAI HẢI QUAN, SỐ TIỀN THUẾ NHẬP KHẨU ĐÃ NỘP

Kỳ báo cáo: Từ ngày .... đến ngày ....

Ngày đăng ký tham gia Chương trình (ngày Chi cục Hải quan tiếp nhận): .....

S T T	Chi cục Hải quan tiếp nhận tờ khai	Số tờ khai	Mã loại hình tờ khai	Ngày đăng ký tờ khai	Tên linh kiện		Đơn vị tính	Mã số HS hàng hóa	Tồn đầu kỳ		Nhập khẩu trong kỳ		Xuất kho trong kỳ				Tồn cuối kỳ		Số tiền thuế NK để nghị hoàn	
					Mã	Tên			Số lượng	Tiền thuế NK đã nộp	Số lượng	Tiền thuế NK đã nộp	Đưa vào sản xuất	Xuất kho khác	Số lượng	Tiền thuế NK đã nộp	Số lượng	Tiền thuế NK đã nộp		Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(10)+ (12)-(14)- (16)	(19)=(11) +(13)- (15)-(17)	(20)=(15)	
1																				
2																				
Cộng																				

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI LẬP**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- Cột (6) "Mã": Mã linh kiện do doanh nghiệp tự mã hóa để theo dõi, quản lý.

- Đơn vị tính tiền thuế: VNĐ.

- Cột (10), (11): Không kê khai tồn đầu kỳ của các linh kiện sản xuất, lắp ráp xe có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phát hành trước ngày 01/01/2020